

Số: 1966 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Dự án Nhà máy sợi, vải màu Continental của Công ty TNHH dệt sợi Continental;

Xét Văn bản số 110924/CTC-MT ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Công ty TNHH dệt sợi Continental về việc đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sợi, vải màu Continental;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6021./TTr-STNMT ngày 02 tháng 10 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH dệt sợi Continental có địa chỉ tại lô số 30-9, 30-11, 30-12b, 30-14, 30-15, 30-16, 30-17, 30-18, 30-19-1, 30-19-2, 30-20-a đường N16 và lô số 35-10-1, 35-11-1, 35-12-1, 35-13-1, 35-9, 35-10-2, 35-11-2, 35-12-2, 35-13-2, 35-14-1 đường D11, Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chi tiết tại phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND.

Điều 2. Công ty TNHH dệt sợi Continental tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh và các nội dung được điều chỉnh tại Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh hết hiệu lực.

Nơi nhận: *Uld*

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- Cty. CP đầu tư Sài Gòn VRG;
- Đăng tải trên website Sở TNMT;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. 12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

Phụ lục
NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số 181/GPMT-UBND
ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Điều chỉnh công năng hồ sinh học 1 tại Mục 1 Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND:

- Bổ công năng hồ sinh học 1 trong quy trình xử lý nước thải sau bể lắng cuối 1 (thuộc mô đun xử lý nước thải số 1) và nước thải sau bể lắng cuối 2 (thuộc mô đun xử lý nước thải số 2):

Nước thải sau bể lắng cuối 1 (thuộc mô đun xử lý nước thải số 1) và nước thải sau bể lắng cuối 2 (thuộc mô đun xử lý nước thải số 2) → bể phản ứng ozone 1 (hoặc bể phản ứng ozone 2) → bể lọc cát liên tục → hồ sinh học 2 → kênh lưu lượng → bể chứa nước thải sau xử lý → thiết bị quan trắc tự động → hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 thuộc lưu vực 4 của Khu công nghiệp Phước Đông.

- Bổ sung công năng sử dụng làm công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải:

Hồ sinh học 1: thể tích 16.069 m³.

2. Điều chỉnh nội dung về thời gian, vị trí lấy mẫu vận hành thử nghiệm tại Mục 2 Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: bốn (04) tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường điều chỉnh lần 01 có hiệu lực.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Đầu vào, đầu ra mô đun xử lý nước thải số 1.

+ Đầu vào, đầu ra mô đun xử lý nước thải số 2.

+ Bể chứa nước thải sau xử lý của 02 mô đun.

II. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Điều chỉnh nội dung tại Phần A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND:

Bổ sung nhiên liệu đốt biomass để vận hành lò hơi, lò dầu tải nhiệt tương ứng dòng thải số 05, 06 (dòng thải số 05 tương ứng với nguồn số 102 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, công suất 10 tấn/giờ số 01); nguồn số 103 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, công

suất 10 tấn/giờ số 02); nguồn số 104 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, công suất 10 tấn/giờ số 03); nguồn số 105 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò dầu tải nhiệt, công suất 4.000.000 kCal/giờ số 01); nguồn số 106 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò dầu tải nhiệt, công suất 4.000.000 kCal/giờ số 02); nguồn số 107 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò dầu tải nhiệt, công suất 4.000.000 kCal/giờ số 03. Dòng thải số 06 tương ứng với nguồn số 108 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, công suất 18 tấn/giờ số 01) và nguồn số 109 (khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, công suất 18 tấn/giờ số 02).

Chỉ sử dụng bùn thải khi phân định là chất thải rắn thông thường phối trộn với nhiên liệu (than đá hoặc biomass) làm nhiên liệu đốt tại 02 lò hơi có công suất 18 tấn hơi/giờ/lò tương ứng với dòng thải số 06.

2. Điều chỉnh nội dung về thời gian, công trình, thiết bị xử lý khí thải, vị trí lấy mẫu vận hành thử nghiệm tại Mục 2. Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: bốn (04) tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường điều chỉnh lần 01 có hiệu lực.

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Tám (08) hệ thống xử lý bụi ở xưởng sợi.

+ Ba (03) hệ thống xử lý khí thải của 03 lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ/lò và ba (03) hệ thống xử lý khí thải của 03 lò dầu tải nhiệt công suất 4.000.000 kCal/giờ/lò.

+ Hai (02) Hệ thống xử lý khí thải của 02 lò hơi công suất 18 tấn hơi/giờ/lò.

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí tại ống thải chung sau 04 hệ thống xử lý bụi số 7, 8, 9, 10 ở xưởng sợi số 2;

+ 01 vị trí tại ống thải chung sau 04 hệ thống xử lý bụi số 11, 12, 13, 14 ở xưởng sợi số 2;

+ 01 vị trí tại ống khói thải chung số 5 sau 06 hệ thống xử lý khí thải số 1, 2, 3, 4, 5, 6 của 03 lò hơi 10 tấn hơi/giờ/lò và 03 lò dầu tải nhiệt 4.000.000 kCal/giờ/lò.

+ 01 vị trí tại ống khói thải chung số 6 sau 02 hệ thống xử lý khí thải số 7, 8 của 02 lò hơi 18 tấn hơi/giờ/lò.

III. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP YÊU CẦU QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Điều chỉnh, bổ sung chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại Mục 1 Phần A Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND:

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bổ sung:

Stt	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Tổng (kg/năm)	Mã số CTNH	Ký hiệu phân loại
18	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải.	Rắn	6.600.000	12 06 05	KS
19	Tro đáy, xỉ, bụi phát sinh từ quá trình vận hành lò hơi, lò dầu tải nhiệt có các thành phần nguy hại	Rắn	4.800.000	04 02 06	KS

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bổ:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT
13	Bùn thải không có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải.	6.600.000	12 06 12
14	Tro, xỉ than không nguy hại từ lò hơi, lò dầu tải nhiệt	4.800.000	04 02 06

2. Điều chỉnh nội dung kho lưu giữ chất thải nguy hại, phương án xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; tro, xỉ, bụi từ lò hơi, lò dầu tải nhiệt tại Mục 2 Phần A Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND:

- Kho lưu chứa:

+ Hai (02) kho lưu chứa chất thải nguy hại, 01 kho ở xưởng sản xuất sợi diện tích 21 m², 01 kho ở xưởng sản xuất vải màu diện tích 600 m². Bùn thải được lưu chứa tại sân phơi bùn có diện tích 140 m², tro, xỉ, bụi được lưu chứa tại khu vực lưu chứa có diện tích 84 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.



- Phương án xử lý:

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, lưu giữ tại sân phơi bùn của trạm xử lý nước thải; bùn sau khi phơi khô được phân tích định kỳ (06 tháng/lần) để phân định và quản lý như sau: lưu chứa tại khu vực chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định trong trường hợp bùn thải phân định là chất thải nguy hại. Việc phối trộn bùn thải với than đá hoặc bùn thải với biomass (tỷ lệ tối đa của bùn không vượt quá 15% so với than đá hoặc biomass) làm nguyên liệu đốt cho lò hơi trong trường hợp bùn thải là chất thải rắn công nghiệp thông thường. Trường hợp sử dụng không hết, Công ty ký hợp đồng bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với tro, xỉ, bụi từ lò hơi, lò dầu tải nhiệt: thu gom, lưu giữ tại khu chứa được phân tích định kỳ (06 tháng/lần) để phân định và quản lý như sau: lưu chứa tại khu vực chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định trong trường hợp phân định tro, xỉ, bụi là chất thải nguy hại. Lưu chứa tại khu vực chứa chất thải thông thường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo quy định trong trường hợp phân định tro xỉ là chất thải công nghiệp thông thường.

IV. CÁC YÊU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO (NẾU CÓ) ĐỐI VỚI NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

- Việc điều chỉnh công năng hồ sinh học số 1; bổ sung nhiên liệu đốt biomass cho lò hơi và lò dầu tải nhiệt; cập nhật bảng danh mục chất thải nguy hại phát sinh nhằm đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của Dự án ngày tốt hơn, phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Yêu cầu Công ty TNHH dệt sợi Continental thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 181/GPMT-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.